TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYÊN
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 104/2023/DS-ST
Ngày: 12/9/2023
"V/v tranh chấp hợp đồng mua bán"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Hiệp.

2. Bà Nguyễn Hồng Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tiểu Loan – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 213/2023/TLST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 286/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/8/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Trần Quang S** - Chủ Hộ kinh doanh T. Địa chỉ thường trú: Khu dân cư B, thôn D, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Địa chỉ hiện tại: ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Đỗ Thị Mai C**. Địa chỉ: ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (Văn bản ủy quyền ngày 12/6/2023 - Có mặt).

Bị đơn:

- Ông **Nguyễn Văn H,** sinh năm: 1998 (Vắng mặt).

- Ông **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1957 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/7/2023 của nguyên đơn ông Trần Quang S - Chủ Hộ kinh doanh T cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Đỗ Thị Mai C trình bày:

Trước đây năm 2017, Hộ kinh doanh T có thực hiện mua bán thức ăn và thuốc thủy sản với ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Văn Đ thông qua lời nói, sau một thời gian thì làm hợp đồng mua bán ngày 01/01/2020 với cùng nội dung thỏa thuận. Bên cạnh đó H1 kinh doanh T giao dịch thông qua các số giao nhận hàng mang tên "Anh H" và mỗi lần giao hàng đều được anh H ký xác nhận.

Theo thỏa thuận, bắt đầu năm 2017 bên Hộ kinh doanh T bán thức ăn và thuốc thủy sản cho ông Đ và ông H. Hàng hóa được nhân viên giao hàng chở tận nơi hoặc ông Đ, ông H hoặc người nhà của ông Đ và ông H đến lấy hàng tại kho của Hộ kinh doanh T. Ông Đ và ông H tiến hành kiểm tra và ký bản đối chiếu xác nhận công nợ khi Hộ kinh doanh T yêu cầu. Cuối vụ thu hoạch tôm, ông Đ và ông H có nghĩa vụ thanh toán dứt điểm toàn bộ công nợ cho Hộ kinh doanh T, việc ông Đ và ông H nuôi tôm thất (tôm chết trước thời hạn thu hoạch) không đương nhiên mất nghĩa vụ thanh toán. Trường hợp xét thấy công nợ cao, ông Đ và ông H vẫn không thanh toán tiền hàng, Hộ kinh doanh T có quyền cắt hàng và đề nghị ông Đ và ông H thanh toán hết số tiền hàng còn nợ cho Hộ kinh doanh T. Thời điểm cắt hàng được xem là thời điểm chấm dứt giao dịch.

Trong quá trình thực hiện giao dịch, Hộ kinh doanh T đã cung cấp hàng hóa đúng theo yêu cầu đặt hàng của ông Đ và ông H. Sau khi nhận hàng ông Đ và ông H không hề phàn nàn hay có khiếu nại gì về số lượng, chất lượng, chủng loại hàng hóa mà Hộ kinh doanh T đã giao. Mặc dù Hộ kinh doanh T thực hiện đúng thỏa thuận hợp đồng, nhưng ông Đ và ông H đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán, cụ thể: đến cuối vụ tôm ông Đ và ông H không thanh toán hết tiền hàng cho Hộ kinh doanh T.

Đến khi thu tôm công nợ đã lên đến 94.761.000 đồng thì phía ông Đ và ông H chỉ hứa hẹn nhưng cũng không trả thêm lần nào nữa.

Mặc dù Hộ kinh doanh T đã nhiều lần nhờ nhân viên đến yêu cầu ông Đ và ông H trả tiền hàng còn nợ cho Hộ kinh doanh T nhưng đến nay ông Đ và ông H vẫn cố tình không thanh toán. Hành vi cố tình không trả nợ của ông Đ và ông H đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của Hộ kinh doanh T.

Nay nguyên đơn yêu cầu Toà án giải quyết: Buộc ông Nguyễn Văn Đ và ông Nguyễn Văn H trả cho ông Trần Quang S – chủ Hộ kinh doanh T số tiền nợ gốc là 94.761.000 đồng và phải thanh toán số tiền trên cho Hộ kinh doanh T một lần ngay khi Bản án/Quyết định của tòa án có hiệu lực pháp luật.

Tại biên bản hòa giải ngày 18/8/2023 bị đơn trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn về việc mua bán thức ăn tôm và thừa nhận hiện nay ông và cha ông là ông Nguyễn Văn Đ còn nợ nguyên đơn số tiền là 94.761.000 đồng. Ông đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ vì hiện nay gia đình có hoàn cảnh khó khăn không có khả năng trả nợ một lần cho nguyên đơn.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ đã được Toà án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự nhưng ông Đ vắng mặt không có lý do cũng không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. 3 Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn ông Trần Quang S - Chủ Hộ kinh doanh T yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về hợp đồng mua bán đối với bị đơn ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn Đ đang cư trú tại ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Văn Đ phải trả cho nguyên đơn số tiền 94.761.000 đồng. Nhận thấy ông Nguyễn Văn H thừa nhận hiện nay ông và cha ông là ông Nguyễn Văn Đ còn nợ nguyên đơn số tiền là 94.761.000 đồng. Do đó đây là tình tiết, sự việc không cần chứng minh, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử xác định ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn Đ còn nợ ông Trần Quang S - Chủ Hộ kinh doanh T số tiền 94.761.000 đồng.

[4] Do bị đơn ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn Đ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn ông Trần Quang S - Chủ Hộ kinh doanh T số tiền 94.761.000 đồng, đồng thời ông H xác định đây là nợ chung của cha con của H nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn Đ thanh toán số tiền còn nợ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận

[5] Đối với yêu cầu của bị đơn được trả dần số tiền còn nợ cho nguyên đơn do hoàn cảnh hiện nay rất khó khăn không có khả năng thanh toán một lần nhưng yêu cầu này không được nguyên đơn đồng ý nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận. Yêu cầu này sẽ được xem xét ở giai đoạn thi hành án.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu; Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn H2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.738.050 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 194, Điều 430, Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Quang S - Chủ Hộ kinh doanh T.

Buộc ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn Đ có trách nhiệm liên đới trả cho ông Trần Quang S - Chủ Hộ kinh doanh T số tiền 94.761.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí sơ thẩm là 4.738.050 đồng. Nguyên đơn ông Trần Quang S - Chủ Hộ kinh doanh T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.369.025 đồng theo biên lai thu số 0010254 ngày 18/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng

4. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với các đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính kể ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

5. Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Mỹ Xuyên;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Trần Thị Kiều Oanh